TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN K** **TỈNH KIÊN GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 95/2023/DS-ST
Ngày: 23/8/2023
"*V/v Tranh chấp hợp đồng góp hụi"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN K - TỈNH KIÊN GIANG

***- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có*:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Pho.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Đạt.

2. Ông Trần Tấn Kiệt.

- ***Thư ký phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Ý là Thư ký Tòa án nhân dân huyện K - tỉnh Kiên Giang.

- ***Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện K tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Linh – Kiểm sát viên.

Trong ngày 11 và ngày 23 tháng 8 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện K xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 174/2023/TLST-DS, ngày 22/02/2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 82/2023/QĐXXST-DS, ngày 21/7/2023 và Quyết định hoãn phiên toà số 34/2023/QĐST-DS ngày 11/8/2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1965. Địa chỉ: Khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có mặt)

2. Bị đơn: **Bà Huỳnh Thị D.** Địa chỉ: khu phố Ba Hòn, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (vắng mặt)

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Lê Thị Hồng N**, sinh năm: 1981. Địa chỉ: Khu phố Xà Ngách, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. (có đơn xin vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Bà Nguyễn Thị T trình bày và yêu cầu như sau:

Vào ngày 26/10/2019 âm lịch, giữa tôi, bà Lê Thị Hồng N và bà Huỳnh Thị D có lập tờ cam kết thống nhất với nội dung là bà N có chuyển số tiền 70.000.000 đồng cho bà Huỳnh Thị D để trả nợ tiền hụi cho tôi. Bà D phải có trách nhiệm đóng tiền hụi cho tôi mỗi ngày là 170.000 đồng cho đến khi hết nợ, nhưng thực tế chỉ đóng được mỗi ngày là 50.000 đồng, 10 tháng được số tiền 15.000.000 đồng nên còn nợ lại

tôi 55.000.000 đồng.

Vì vậy tôi khởi kiện yêu cầu bà Huỳnh Thị D phải trả cho tôi số tiền nợ hụi còn lại là 55.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày tháng 26/8/2020 âm lịch theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết nợ.

- Tại biên bản lấy lời khai, biên bản hoà giải bà Huỳnh Thị D trình bày:

Ngày 15/12/2019 âm lịch, tôi với bà Nguyễn Thị T có chốt lại số tiền nợ hụi là 70.000.000 đồng. Trong đó bao gồm: Số tiền tôi nợ bà Lê Thị Hồng N chuyển nợ sang cho bà T là 70.000.000 đồng (ghi trong biên nhận ngày 26/10/2019 âm lịch), phần này tôi đóng được 45 ngày x 170.000 đồng = 7.650.000 đồng, còn nợ bà Thuỷ là 62.350.000 đồng.

Tôi có chơi 02 dây hụi do bà Thuỷ làm chủ:

1/ Dây thứ nhất là hụi 1.000.000 đồng, chơi 02 chân, 05 ngày sổ 01 lần, hốt 02 chân, đóng hụi chết còn nợ lại 06 lần x 1.000.000 đồng = 6.000.000 đồng.

2/ Dây thứ hai là hụi 2.000.000 đồng, chơi 02 chân, mỗi chân gồm có 69 phần, 10 ngày sổ 01 lần, hốt 01 chân, có đóng hụi chết nhưng còn nợ lại 21 lần x 2.000.000 đồng = 42.000.000 đồng. 01 chân hụi sống đóng được 48 lần x 2.000.000 đồng = 96.000.000 đồng, số tiền này bà T giữ lại, số lần hụi còn lại là 21 lần. Bà T không cho hốt chân hụi sống tôi đã đóng 48 lần khi đó còn lại 21 lần x 1.680.000 đồng = 35.280.000 đồng – 1.000.000 đồng tiền cò nên còn lại là 34.280.000 đồng + 96.000.000 đồng tiền hụi sống đã đóng – 42.000.000 đồng tiền hụi chết còn nợ = 88.280.000 đồng, số tiền này bà Thuỷ còn nợ lại tôi.

Tôi có mượn tiền bà T 20.000.000 đồng, đóng lãi mỗi ngày 100.000 đồng.

Tổng số tiền tôi còn nợ sau khi cấn trừ là: 62.350.000 đồng + 6.000.000 đồng + 20.000.000 đồng + 42.000.000 đồng - 88.280.000 đồng = 42.070.000 đồng. Tuy nhiên sau đó bà T kê tiền lãi lên nên mới thành số tiền là 70.000.000 đồng và 02 bên có làm tờ cam kết chốt lại số nợ này vào ngày 15/12/2019 âm lịch như trên.

Tôi có đóng tiền cho bà T từ ngày 15/12/2019 âm lịch đến ngày 30/12/2019 âm lịch mỗi ngày là 250.000 đồng được số tiền 4.000.000 đồng. Sau đó do không có khả năng nên đóng mỗi ngày 100.000 đồng từ ngày 01/01/2020 âm lịch đến ngày 06/7/2021 âm lịch được số tiền 55.000.000 đồng. Từ ngày 07/7/2021 âm lịch đến ngày 12/3/2022 âm lịch tôi đóng mỗi ngày 50.000 đồng được số tiền 12.150.000 đồng. Tổng số tiền tôi đã đóng cho bà T là 71.150.000 đồng. Vì vậy tôi đã đóng dư cho bà T là 1.150.000 đồng nên tôi yêu cầu bà T phải trả lại số tiền này.

- Bà Nguyễn Thị T trình bày:

Việc bà D trình bày là không đúng, không có việc bà D đóng cho tôi mỗi ngày 250.000 đồng và 100.000 đồng như bà D trình bày. Trước đó bà D có hứa đóng cho tôi 170.000 đồng/ngày nhưng không thực hiện, tôi chỉ thừa nhận bà D có đóng số tiền 50.000 đồng được 10 tháng là 300 ngày với số tiền là 15.000.000 đồng. Ngoài ra bà D không còn đóng cho tôi khoản nào khác. Còn việc bà D đưa ra chứng cứ cho Tòa án là không đúng, do bà D tự ghi nên tôi không thừa nhận các chứng cứ này.

Bà D có chơi dây hụi 1.000.000 đồng do tôi làm chủ, chơi 02 chân, bà D hốt 01

chân, còn 01 chân tôi không cho hốt mà thối tiền lại. Tiền hụi chết của chân hụi bà D đã hốt còn thiếu tôi cùng với tiền bà D thiếu bà Lê Thị Hồng N thống nhất sang nợ qua cho tôi, cộng lại là 70.000.000 đồng và các bên mới thống nhất ghi biên nhận nợ vào ngày 26/10/2019 âm lịch để bà D phải trả tôi số tiền là 70.000.000 đồng. Việc bà D cho rằng có chơi dây hụi 2.000.000 đồng là không đúng.

Tại phiên toà bà Thuỷ vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện là chỉ yêu cầu một mình bà Huỳnh Thị D phải trả số tiền hụi còn nợ là 55.000.000 đồng và yêu cầu tính lãi kể từ ngày tháng 26/8/2020 âm lịch theo quy định của pháp luật cho đến khi trả hết nợ.

- Tại biên bản xác minh bà Lê Thị Hồng N trình bày:

Vào ngày 26/10/2019 âm lịch giữa bà N, bà Huỳnh Thị D, bà Nguyễn Thị Thuỷ có gặp mặt nhau và thống nhất số tiền bà D nợ tiền hụi bà N là 70.000.000 đồng, bà N đồng ý chuyển số tiền nợ này sang cho bà Thuỷ và các bên gồm bà N, bà Thuỷ, bà D cùng thống nhất số tiền hụi 70.000.000 đồng này bà D sẽ chịu trách nhiệm trả cho bà Thuỷ. Vì vậy bà N, bà Thuỷ, bà D thống nhất cùng ký tên vào biên nhận.

Nay bà N không còn trách nhiệm gì trong sự việc này, không có liên quan đến số nợ trên nữa. Vì hoàn cảnh neo đơn, không ai trông con, đi lại rất khó khăn nên bà N xin vắng mặt tại các buổi làm việc, xét xử của Toà án.

Kiểm sát viên phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa và của những người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đều đúng trình tự theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, buộc bà D phải trả số tiền nợ cả gốc và lãi cho bà Thuỷ theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thẩm quyền giải quyết vụ án và quan hệ pháp luật tranh chấp: Bị đơn bà Huỳnh Thị D có nơi cư trú tại khu phố Ba Hòn, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang. Căn cứ điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện K. Đây là vụ án "Tranh chấp hợp đồng góp hụi" quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về sự vắng mặt của đương sự: Bà Huỳnh Thị D vắng mặt lần thứ hai không có lý do. Bà Lê Thị Hồng N vắng mặt nhưng có đơn xin vắng mặt nên Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ kiện theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa:

Xét đơn khởi kiện của bà Nguyễn Thị T về việc yêu cầu bà Huỳnh Thị D trả số tiền hụi còn nợ là 70.000.000 đồng, bà D thừa nhận có nợ số tiền này do các bên giữa bà Thuỷ, bà N, bà D thống nhất chốt nợ và chuyển phần nợ này sang bà D nợ bà Thuỷ. Tuy nhiên số tiền trên bà D cho rằng đã trả được 7.650.000 đồng, còn nợ bà

Thuỷ là 62.350.000 đồng. Sau đó bà D cho rằng có chơi hụi và có vay nợ bà Thuỷ, khi cấn trừ số tiền này nên giữa bà Thuỷ với bà D có thống nhất số tiền bà D còn nợ bà Thuỷ là 70.000.000 đồng tại tờ thoả thuận nhận nợ ngày 15/12/2019.

Bà D có góp tiền ngày cho bà Thuỷ được tổng số tiền là 71.150.000 đồng. Vì đã góp thừa cho bà Thuỷ nên bà D đòi lại số tiền 1.150.000 đồng nhưng bà Thuỷ không thừa nhận đối với số tiền góp hàng ngày 100.000 đồng và 150.000 đồng, bà Thuỷ chỉ thừa nhận bà D có góp số tiền 50.000 đồng góp được 300 ngày được số tiền 15.000.000 đồng, còn lại thì không có góp khoản nào khác. Việc bà D có tham gia chơi hụi thì bà Thuỷ cũng không thừa nhận như bà D trình bày vì bà Thuỷ cho rằng bà Thuỷ đã thối tiền hụi lại cho bà D đối với đầu hụi sống, còn đầu hụi chết thì cộng với số tiền nợ bà N sang qua nên mới thành số tiền 70.000.000 đồng, số tiền này bà D đã thừa nhận.

Đối với chứng cứ bà D giao nộp cho Toà án thì bà Thuỷ không thừa nhận do không có chữ ký xác nhận của bà Thuỷ, vì vậy xét thấy các chứng cứ do bà D cung cấp không có cơ sở chứng minh.

Bà T yêu cầu trả 01 lần hết số nợ 55.000.000 đồng, yêu cầu tính lãi từ ngày 26/8/2020 âm lịch cho đến khi trả hết nợ vay theo quy định của pháp luật là phù hợp nên chấp nhận. Đây là hụi có lãi nhưng các bên không xác định rõ được lãi suất và có tranh chấp đối số tiền lãi nên lãi suất được xác định theo khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự là 10%/năm, tương ứng với 0,83%/tháng. Vì vậy lãi suất được tính từ ngày 26/8/2020 âm lịch nhằm ngày 12/10/2020 dương lịch đến ngày xét xử 23/8/2023 là 34 tháng 11 ngày x 0,83%/tháng x 55.000.000 đồng = 15.688.000 đồng. Tổng số tiền cả gốc và lãi bà D phải trả cho bà T là 55.000.000 đồng + 15.688.000 đồng = 70.688.000 đồng.

[4] Bà D có yêu cầu bà Thuỷ phải trả lại số tiền bà đóng còn thừa là 1.150.000 đồng, Toà án đã thông báo yêu cầu bà D làm đơn phản tố cho yêu cầu này nhưng hết thời hạn theo thông báo mà bà D không thực hiện nên miễn xét.

[5] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà D bị buộc trả nợ nên phải chịu án phí trên số tiền phải trả. Trả lại cho bà Thuỷ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Các Điều 357, 468, 471 của Bộ luật Dân sự;

- Các Điều 26, 35, 39, 147, 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30 tháng 12 năm 2016 về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Buộc bà Huỳnh Thị D phải trả cho bà Nguyễn Thị T số tiền cả gốc và lãi là 70.688.000 đồng, trong đó tiền gốc là 55.000.000 đồng, tiền lãi là 15.688.000 đồng.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án nếu người bị thi hành án không thực hiện nghĩa vụ thi hành án thì người bị thi hành án còn phải chịu thêm một khoản lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự quy định tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí dân sự sơ thẩm:

- Buộc bà Huỳnh Thị D phải chịu số tiền án phí là 3.534.400 đồng.

- Trả lại cho bà Nguyễn Thị T số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 775.000 đồng theo lai thu số 0006874 ngày 22/02/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện K.

3. Quyền kháng cáo: Bà T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Bà D, bà N có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014 thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6,7a, b và 9 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự sửa đổi, bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:
- TAND tænh Kieân Giang;
- VKSND tænh Kieân Giang;
- VKSND huyeän Kieân Löông;
- Chi cục THADS huyện Kieân Löông;
- Nhöõng ngöôøi TGTT;
- Löu taäp aùn, hoà sô;

TM. HOÄI ÑOÀNG XEÙT XÖÛ SÔ THAÅM
THAÅM PHAÙN – CHUÛ TOAÏ PHIEÂN TOØA

Nguyễn Văn Pho